

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **31** /CT-TTg

Hà Nội, ngày **19** tháng 7 năm 2020



CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ... 5
Ngày: 30/7/2020

CHỈ THỊ

Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (dịch Covid-19) bùng phát, lây lan nhanh tới các quốc gia trên thế giới. Đây là một dịch bệnh nguy hiểm, ảnh hưởng toàn cầu, tác động đến mọi khía cạnh của đời sống kinh tế, xã hội và hành vi, thói quen sinh hoạt của người dân trên toàn thế giới. Tác động của dịch Covid-19 cộng hưởng với đà suy giảm của kinh tế thế giới từ cuối năm 2019 đã ảnh hưởng nghiêm trọng, toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới.

Trong nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, sự chủ động điều hành của Chính phủ và sự chung sức, đồng lòng của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức. Đến nay, tình hình dịch Covid-19 trong nước cơ bản được khống chế, chưa có trường hợp tử vong. Trong khi đó, nhiều quốc gia có cùng thời điểm phát hiện bệnh nhân đầu tiên như Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong công tác phòng, chống dịch, số ca nhiễm bệnh và tử vong tăng nhanh theo ngày.

Tuy nước ta được đánh giá đã tổ chức phòng chống, kiểm soát dịch có hiệu quả, khả năng kết thúc dịch sớm hơn so với các nước khác, nhưng tác động và ảnh hưởng của dịch vẫn tiếp tục kéo dài đối với kinh tế Việt Nam trong trường hợp dịch chưa kết thúc trên thế giới.

Năm 2021 là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, trong khi kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Để phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 với các yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và dự báo tình hình trong nước, khu vực và thế giới trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2021 phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 gồm:

1. Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại các nghị quyết, kết luận của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2020), những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Cụ thể:

- Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 63-KL/TW ngày 18/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, nghị quyết số 85/2019/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 và các nghị quyết khác của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Trong đó, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các Chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết này theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

- Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

a) Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách lớn về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, địa phương và vùng lãnh thổ. Trong đó:

- Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế.
- Thực hiện cơ cấu lại từng ngành, lĩnh vực và địa phương; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực...

- Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn); phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số.

b) Tình hình thực hiện các đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tình hình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ; đổi mới giáo dục đào tạo gắn với phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, viễn thông, năng lượng...).

c) Tình hình thực hiện các cân đối lớn của nền kinh tế như giá cả, lạm phát; tiền tệ, tín dụng; thu, chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công, nợ Chính phủ, nợ Chính quyền địa phương; xuất, nhập khẩu; năng lượng, đặc biệt là điện...

d) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước (gồm: (i) Vốn trong nước, bao gồm trái phiếu Chính phủ, bội chi ngân sách địa phương, xổ số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn của Nhà nước tại một số doanh nghiệp; (ii) vốn nước ngoài, bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn viện trợ không hoàn lại), bao gồm đánh giá kết quả việc thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân; vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm FDI); vốn huy động khác.

đ) Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...); chính sách tiền lương; chăm sóc người có công, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tình trạng già hóa dân số; nâng cao thu nhập, giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; thông tin; văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả, thông tin xấu, độc; phòng, chống cháy nổ; tai nạn giao thông...

e) Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và phát triển vùng, liên kết vùng; phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia; phát triển đô thị; thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

g) Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; đặc biệt tình hình khai thác cát, sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và ngập úng ở các đô thị lớn...

h) Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, an toàn không gian mạng quốc gia và trật tự an toàn xã hội; triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

i) Tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp, tinh gọn hiệu quả bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

k) Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2020 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19... Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên... Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại chưa và chậm được khắc phục cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn...

đặc biệt trong năm 2021, năm đầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Trong bối cảnh đó, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn, trong đó: phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của cả nước năm 2021 tăng khoảng 7%, đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, căn cứ tình hình thực tế xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương hợp lý và phù hợp; đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của bộ, ngành và địa phương cho năm 2021 theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Nghiên cứu, hình thành khung khổ pháp lý cho sự phát triển phù hợp với tình hình mới, như: thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển xanh lam, thân thiện với môi trường; thúc đẩy chuyển đổi hạ tầng số, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và các mô hình kinh tế mới ứng dụng công nghệ số...

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế, khơi dậy nội lực trong nước; phát triển kinh tế tập thể, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong hợp tác xã để hợp tác xã thực sự là thành phần quan trọng của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp tái cấu trúc, nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh để ứng phó linh hoạt với tác động của thiên tai, dịch bệnh; khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau thiên tai, dịch bệnh.

- Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu; thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, ngừa, nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm và giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, bảo vệ hợp lý các ngành sản xuất trong nước và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân. Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao

sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt. Phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung - cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị, chú trọng đến các mặt hàng nông sản. Tăng cường quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ công và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông, nông nghiệp, nông thôn...; phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, hướng tới mô hình đô thị xanh, thông minh và bền vững; tập trung nâng cao chất lượng đô thị. Tiếp tục phát triển nhà ở nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu của người thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, tiếp tục xây dựng nông thôn mới.

- Thúc đẩy phát triển các vùng và khu kinh tế theo quy hoạch đã được phê duyệt; nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp điều hành các vùng, liên kết vùng; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng; phát triển các mô hình kinh tế xanh cho các vùng và khu kinh tế; phát triển các vùng nguyên vật liệu trong nước để chủ động hơn các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh; phát triển kinh tế biển.

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, am hiểu pháp luật, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ để nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; đổi mới giáo dục đại học gắn với tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bút phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng, phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số; phát triển công nghiệp y tế, đẩy mạnh phòng, chống dịch bệnh, tăng cường công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm; thực hiện các quyền của trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội, phát triển thể dục thể thao. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, biên

giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển, nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống, kiên quyết loại bỏ những cơ sở gây ô nhiễm môi trường, nhất là ở các đô thị, thành phố lớn; bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững đa dạng sinh học; phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng bền vững, hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Tiếp tục cải cách hành chính tư pháp; tăng cường kiểm tra, rà soát, hoàn thiện pháp luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án; cải cách thủ tục hành chính.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tạo chuyển biến tích cực, rõ nét về trật tự, an toàn xã hội; từng bước đẩy lùi, làm giảm các điều kiện nảy sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển đất nước.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Cơ chế, giải pháp, chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương.

II. YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

1. Đối với đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các nghị quyết của Quốc

hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và năm 2020, các nghị quyết của Chính phủ, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong điều hành thực hiện kế hoạch năm 2020.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn, gắn với đánh giá chung của giai đoạn 5 năm 2016-2020 và có sự so sánh với kết quả thực hiện của năm 2019. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 sử dụng theo số liệu chưa đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

a) Kế hoạch năm 2021 phải xây dựng bám sát các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả đã đạt được, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ, không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu đã được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Trong bối cảnh tình hình có nhiều khó khăn, thách thức lớn của năm 2020, cần phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2020 làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021, đặc biệt là các thách thức từ nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, quản lý thu, gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Phần đầu dự toán thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (đã dự kiến các tác động điều chỉnh chính sách thu theo các chủ trương hiện hành) bình quân chung cả nước tăng khoảng 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2021 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 được cấp có thẩm quyền quyết định; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh

giản biên chế, đầu mỗi khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Tăng cường thực hiện các giải pháp, chính sách tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đẩy mạnh ứng dụng, triển khai Chính phủ điện tử. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, kém hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2021 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2021, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn vay ODA, vốn viện trợ, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phù hợp với định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, định hướng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Bố trí đủ dự toán chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định; cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho các Ngân hàng chính sách.

Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương,

vùng lãnh thổ. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2021.

Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2021 và không có khả năng gia hạn.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ số đã nộp ngân sách nhà nước các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu này năm 2021, các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập dự toán chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ sử dụng nguồn này theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành; gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2025 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, triển khai Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số và tận dụng hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...

Tiếp tục quyết liệt triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021, kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu môi, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài... dành nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII.

Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công phải quán triệt đầy đủ yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở dự kiến đầy đủ các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật để xác định: tăng số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; tăng số lượng đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Đối với đơn vị sự nghiệp cần phải hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải thực hiện giảm dần số hỗ trợ, tương ứng số tăng thu của đơn vị, bao gồm cả số tăng thu do điều chỉnh lộ trình phí, lệ phí, giá dịch vụ... theo quy định, tối thiểu khoảng 2% so với năm 2020.

c) Chi dự trữ quốc gia: Căn cứ định hướng mục tiêu phát triển dự trữ quốc gia trong giai đoạn mới, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, dự kiến nhu cầu cứu trợ, viện trợ; các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2021, tập trung vào các mặt hàng chiến lược, thiết yếu; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

d) Chi viện trợ: Chi viện trợ từ nguồn ngân sách nhà nước phải phù hợp định hướng, mục tiêu, kế hoạch hợp tác với các nước nhận vốn viện trợ của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025, kế hoạch hợp tác hằng năm và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

đ) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khả năng thực hiện chương trình trong năm 2021; các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021; tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Việc bố trí kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

e) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án sử dụng vốn ngoài nước phải chi tiết rõ vốn vay, vốn

viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, phân định rõ dự án cấp phát hoặc vay lại hoặc hỗn hợp (cấp phát, vay lại) và chi tiết mức vốn cho từng phần. Đối với các dự án Ô, cần làm rõ kế hoạch giữa cơ quan chủ quản trung ương và cơ quan chủ quản dự án thành phần tham gia thực hiện dự án. Không bố trí vốn vay cho các nhiệm vụ chi thường xuyên.

g) Dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương: Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về thực hiện cải cách chính sách tiền lương và các Nghị quyết của Quốc hội.

h) Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

i) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổng hợp, báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2020 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu, trùng lặp về nguồn thu, nhiệm vụ chi với ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; từ đó, đề xuất phương án xử lý số dư quỹ dự kiến tính đến hết năm 2020 đối với những quỹ kết thúc chương trình hoạt động trong năm 2020 theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Dự toán ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng bảo đảm cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm a, b mục III.1 của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2021 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2020 trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng

khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế...

b) Dự toán chi ngân sách địa phương: Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có) theo quy định; trên cơ sở định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2021, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định).

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

d) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2021; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023

Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội; Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025, Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, các địa phương xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2021-2023 về thu ngân sách; mức bội thu/bội chi của ngân sách địa phương; dự kiến tổng chi ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên phần cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2023 phù hợp với khả năng cân đối thu ngân sách địa phương; trong đó: chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành tới thời điểm dự toán năm 2021 được cấp có thẩm quyền thông qua, chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết bố trí bằng số thu.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xây dựng đề cương Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của cả nước, phân công nhiệm vụ và tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong Quý II năm 2020.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2021, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2020, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), Tổng cục Thống kê tính toán và công bố đầy đủ cho các năm từ 2016 đến 2019 để các địa phương sử dụng số liệu chính thức cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; hướng dẫn chuyển đổi năm 2020 là năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

c) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu kế hoạch bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), các địa phương sử dụng số liệu chính thức do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố cho từng năm từ năm 2016 đến năm 2019; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở đó để xây dựng chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2021 cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023

1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định biên chế năm 2021 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan cùng cấp ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2021 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước

bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2021.

Các bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021, đánh giá tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi ngân sách nhà nước đến hết năm 2020 (lũy kế tình hình thực hiện từ năm 2016 đến hết năm 2020), kế hoạch năm 2021 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2022-2023, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 theo quy định.

3. Bộ Tài chính chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị ở trung ương đang áp dụng cơ chế quản lý tài chính đặc thù theo quy định của các cấp có thẩm quyền lập dự toán thu, chi năm 2021 trên cơ sở các quy định thống nhất chung đối với cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3530/TB-TTKQH ngày 30 tháng 3 năm 2020.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Các bộ chủ chương trình chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính khẩn trương dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ, khái toán nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công giai đoạn 2021-2025 theo quy định; xác định các dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 tiếp tục thực hiện và các nhiệm vụ chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 dự kiến chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương giai đoạn 2021-2025 (nếu có), thuyết minh cụ thể căn cứ pháp lý, nhu cầu kinh phí đầu tư, thường xuyên, cơ chế phân cấp thực hiện.

b) Các bộ, cơ quan trung ương lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của bộ, cơ quan trung ương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

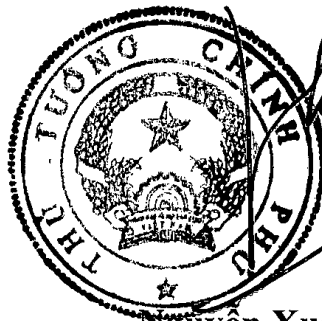
c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ nội dung Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn và chỉ đạo việc lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTgCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT. **131**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2020 THEO KẾT LUẬN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XII,
NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ DỰ KIẾN NĂM 2021
(Kèm theo Chỉ thị số **31** /CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày **29** tháng 7 năm 2020)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2020			DỰ KIẾN NĂM 2021	CƠ QUAN BÁO CÁO
			KẾ HOẠCH ¹	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ ²		
A	VỀ KINH TẾ						
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI)	%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Bộ Công Thương
4	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Bộ Công Thương
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so GDP	%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung
B	VỀ XÃ HỘI						
1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	điểm %	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Trong đó: Giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo	điểm %	

¹ Ghi chú: Đề nghị báo cáo cả mục tiêu kế hoạch đầu năm và mục tiêu kế hoạch điều chỉnh (nếu có).

² Đánh giá theo mục tiêu kế hoạch điều chỉnh. Trường hợp không điều chỉnh mục tiêu đầu năm đề ra, đánh giá theo mục tiêu kế hoạch đầu năm.

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2020			DỰ KIẾN NĂM 2021	CƠ QUAN BÁO CÁO
			KẾ HOẠCH ¹	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ ²		
2	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	
4	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	giường bệnh	Bộ Y tế
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Bộ Y tế
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung
C	VỀ MÔI TRƯỜNG						
1	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung